

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày: 16-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thu Hảo; Ông Võ Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Dương Thái D, sinh năm 1990, tại huyện G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp B, xã Tân Đông, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Dương Văn T, sinh năm 1966 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1966; Có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2015; Tiền án: 01 lần, năm 2009, phạm tội “Cướp tài sản”, tại Bản án số 30/HSST ngày 21/9/2009 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, xử phạt Dương Thái D 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2009, chấp hành xong ngày 02/9/2013 (đã xóa án tích); Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 19/12/2018, tạm giam từ ngày 22/12/2018, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Dương Hồng P, sinh năm 1997; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Văn V sinh năm 1978; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 81H khu phố H, Phường M, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng: Hồ Văn T, sinh năm 1956; (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 15 phút, ngày 19/12/2018, bị cáo Dương Thái D đang ở nhà thì có 01 người bạn tên T ngụ xã L, thị xã G dùng số điện thoại 0907065949 điện thoại cho bị cáo nhờ mua dùm 500.000 đồng ma túy đá đem lên thị xã G để sử dụng chung. Sau đó, bị cáo D dùng xe mô tô hai bánh hiệu Wave mang biển kiểm soát 51U7-2563 đi xuống thị trấn V, huyện G gặp 01 người tên T2 (không rõ tên, địa chỉ cụ thể) mua 01 bịch ma túy tổng hợp (ma túy đá) với giá 500.000 đồng, rồi chạy lên thị xã G. Trên đường đi, bị cáo D ghé vào lề đường chia bịch ma túy tổng hợp ra làm 02 bịch (01 bịch lớn và 01 bịch nhỏ), rồi chạy đến cổng ấp T, xã L, thị xã G chờ người bạn tên T. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy - Công an thị xã Gò Công phối hợp với Công an xã L, thị xã G bắt quả tang bị cáo D có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ:

- 01 bịch nylon (01 bịch được dán kín, 01 bịch được hàn kín) bên trong chứa chất tinh thể trong suốt (Dương Thái D khai là ma túy tổng hợp) đã được niêm phong có chữ ký xác nhận của Dương Thái D (người bị bắt) và Hồ Văn T (người chứng kiến);
- 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ đã qua sử dụng, còn SIM trong máy;
- 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 54U7-2563.

Theo Kết luận giám định số 218/KLGD-PC09 ngày 21/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang:

Các mẫu tinh thể trong suốt trong 02 (hai) gói nylon màu trắng (01 gói được dán kín, 01 gói được hàn kín), để trong một bì thư màu trắng được niêm phong có các chữ ký ghi họ tên: Dương Thái D (Người bị bắt), Hồ Văn T (Người chứng kiến); gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng 0,5332 gam, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSTXGC ngày 06/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công đã truy tố bị cáo Dương Thái D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung. Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử

phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2018. Đề nghị hình phạt bổ sung với số tiền phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

- 01 gói niêm phong vụ số: 218 ngày 21/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang; người chứng kiến Hồ Văn T, giám định viên Nguyễn Thanh Trường là chất Nhà nước cấm lưu hành nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu ITTEL màu đỏ đã qua sử dụng, còn sim trong máy là phương tiện bị cáo D dùng để liên lạc mua ma túy nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 51U7-2563, là xe anh Dương Hồng P mua của anh Nguyễn Văn V sử dụng chung trong nhà, chưa làm thủ tục sang tên chủ xe. Do bị cáo D sử dụng xe máy đi mua ma túy anh P không biết và có yêu cầu nhận lại xe máy nên đề nghị trả lại cho anh P.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm của mình. Mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về đoàn tụ lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo D khai nhận bị cáo có quen người bạn tên T (không rõ họ tên, địa chỉ) khi uống cà phê chung nên ngày 19/12/2018 T có điện thoại cho bị cáo nhờ mua dùm 500.000 đồng ma túy đá để sử dụng chung. Bị cáo D dùng xe mô tô hai bánh hiệu Wave mang biển kiểm soát 51U7-2563 đến thị trấn V, huyện G mua 01 bạch ma túy tổng hợp (ma túy đá) với giá 500.000 đồng của người tên T2 (không rõ tên, địa chỉ), nhưng chưa sử dụng còn cất giữ trong người thì bị bắt. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, vật chứng được thu giữ và các

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo kết luận giám định số 218/KLGD-PC09 ngày 21/12/2018 thì gói ma túy bị cáo D mua cất giữ trong người khi bị bắt quả tang có tổng khối lượng là 0,5332g, loại Methamphetamine. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người sử dụng. Hiện nay, ma túy đang là vấn đề nhức nhối của xã hội, là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự khác, tạo nên sự bất ổn cho an ninh trật tự xã hội. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo, nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thay đổi nhận thức về ma túy, có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo từng có 01 tiền án về hành vi Cướp tài sản tuy đã được xóa án tích, nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt. Tuy nhiên, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thái độ của bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo tàng trữ ma túy mục đích chỉ để sử dụng, không mua bán thu lợi nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong vụ số: 218 ngày 21/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang; người chứng kiến Hồ Văn T, giám định viên Nguyễn Thanh Trường là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu ITTEL màu đỏ đã qua sử dụng, còn sim trong máy là phương tiện bị cáo D dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 51U7-2563, là tài sản của anh Dương Hồng P, việc bị cáo D sử dụng xe máy đi mua ma túy anh P không biết nên trả lại cho anh P.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Đối với hai đối tượng tên T2 và tên T, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng do họ tên và địa chỉ không rõ ràng, không thể làm việc được, nên tách hành vi của các đối tượng này ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Dương Thái D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Dương Thái D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2018.

Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong vụ số: 218 ngày 21/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang; người chứng kiến Hồ Văn T, giám định viên Nguyễn Thanh Trường.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đỏ đã qua sử dụng, còn sim trong máy.

- Trả lại cho anh Dương Hồng P 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 51U7-2563.

Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gò Công, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công).

Về án phí: Buộc bị cáo Dương Thái D phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã Gò Công;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thúy